

KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở NAM BỘ

Phan Thị Ngân

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Tóm tắt: Nam Bộ là một vùng đất có nhiều giá trị văn hóa đặc sắc được thể hiện trong hoạt động sản xuất, tín ngưỡng, phong tục, lễ hội, văn học, nghệ thuật, cách thức ăn, mặc, ở, đi lại,... Đối với ngành du lịch, những giá trị văn hóa này không chỉ tạo ra môi trường và điều kiện cho ngành du lịch phát sinh và phát triển, mà còn quyết định quy mô, thể loại, chất lượng và hiệu quả của hoạt động du lịch. Vậy trong những năm qua, ngành du lịch ở Nam Bộ đã khai thác những giá trị văn hóa này như thế nào? Trong quá trình khai thác có những vấn đề gì đặt ra? Cần phải có những giải pháp gì để khai thác một cách hiệu quả và bền vững hơn nữa những giá trị văn hóa của Nam Bộ trong phát triển du lịch? Bài viết này sẽ đi vào giải đáp những vấn đề nêu trên.

Từ khóa: Nam Bộ, giá trị văn hóa, phát triển du lịch, khai thác giá trị văn hóa.

Nhận bài ngày 28.6.2020; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 25.8.2020

Liên hệ tác giả: Phan Thị Ngân; Email: nganapi@gmail.com

1. MỞ ĐẦU

Giá trị văn hoá (*Cultural value*) do con người trong mỗi xã hội sáng tạo ra trong quá trình lịch sử, nhưng một khi hệ giá trị văn hoá đã hình thành thì nó lại có vai trò định hướng cho các mục tiêu, phương thức và hành động của con người trong các xã hội ấy. Nó chính là một loại vốn xã hội (*Social Capital*). Cũng như văn hoá, giá trị được sản sinh từ các mối quan hệ con người với tự nhiên, với xã hội. Giá trị văn hoá của mỗi cộng đồng (tộc người, quốc gia,...) bao giờ cũng tạo nên một hệ thống, với ý nghĩa là các giá trị ấy nảy sinh, tồn tại trong sự liên hệ, tác động hữu cơ với nhau. Giống như văn hoá, hệ giá trị văn hoá cũng mang tính tương đối. Do vậy, để đánh giá tính giá trị hay phi giá trị, giá trị cao hay thấp thì phải đặt nó trong toạ độ về mặt không gian, thời gian và chủ thể của văn hoá. Nếu thoát ly cái đó, chúng ta rất khó đo đếm, đánh giá được tính giá trị hay phản giá trị của văn hoá của tộc người nào đó. Bởi vì suy cho cùng, giá trị hay chân lý đều phải mang tính cụ thể (Ngô Đức Thịnh, 2010). Tán thành với quan niệm này chúng tôi cho rằng, khi khai thác những giá trị văn hoá ở Nam Bộ trong phát triển ngành du lịch cũng phải đặt nó trong một không gian, thời gian cụ thể và gắn nó với chủ thể văn hóa xác định.

2. NỘI DUNG

2.1. Giá trị văn hóa của Nam Bộ

Nam Bộ, có diện tích 6.130.000 ha với độ phì nhiêu cao nhất trong tất cả các đồng bằng trên cả nước. Hiện nay, Nam Bộ có tất cả 19 tỉnh thành 2 khu vực là Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Trong đó, khu vực Đông Nam Bộ gồm có 6 tỉnh và thành phố là Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hồ Chí Minh. Khu vực Tây Nam Bộ gồm 13 tỉnh, thành phố là Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Đồng Tháp, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau. So với các vùng miền khác trong cả nước, Nam Bộ là một vùng đất có nhiều nét văn hóa đặc sắc. Sự hình thành Nam Bộ là kết quả của sự dung hợp những yếu tố tiếp biến từ văn hoá Chăm, Khơ me, Hoa,... và cả phương Tây sau này trên cái nền là văn hoá Việt. Lần lại lịch sử cho thấy, vào đầu thế kỷ XVI, ngoại trừ vùng cư trú của các tộc người tại chỗ Xtiêng, Chơ ro Mạ ở Đông Nam Bộ, hầu hết đất đai Nam Bộ đều là hoang hoá. Từ thời điểm đó, các cộng đồng lưu dân Khơ me, Việt, Hoa, Chăm chia nhau khai khẩn, đào kinh, canh tác, định cư, buôn bán, người ta gọi Nam Bộ là vùng đất mới (Trần Đức Cường, 2014; Sơn Nam, 2009).

Hiện nay, Nam Bộ là nơi cư trú của người Việt và các tộc người thiểu số là cư dân tại chỗ: Xtiêng, Chơ ro, Mạ, hoặc di dân: Khơ me, Hoa, Chăm, Tày, Nùng, Mường, Thổ,... (Nguyễn Tuấn Triết, 2005) Mặc dù, Nam Bộ cũng là một vùng đất đa tộc người, song chủ thể văn hoá chính của toàn vùng vẫn là người Việt, lên đến hơn 26 triệu người, chiếm 90,9% dân số của vùng. Ngoài chủ thể văn hoá chính là người Việt, còn có người Khơ me, người Hoa và người Chăm. Tuy nhiên, yếu tố văn hóa của người Chăm là do người Việt đã hấp thu từ văn hoá Chăm ở Nam Trung Bộ, còn bản thân người Chăm Nam Bộ do dân số ít và sinh hoạt khép kín nên không tác động đáng kể vào văn hoá Việt trong vùng. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi cho rằng, giá trị văn hoá của Nam Bộ được thể hiện trên cả bình diện văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần với đặc điểm là *đồng bằng sông nước và sự tiếp biến các yếu tố văn hoá của các tộc người như Chăm, Khơ me, Hoa vào văn hoá Việt trong vùng*.

Trước hết, giá trị văn hóa với đặc điểm là đồng bằng sông nước của Nam Bộ được thể hiện trong hoạt động sản xuất, tín ngưỡng, phong tục, lễ hội, văn học, nghệ thuật, cách thức ăn, mặc, ở, đi lại. Với điều kiện địa lý đặc thù, nên cách thức hoạt động sản xuất của cư dân Nam Bộ mang đặc trưng đồng bằng sông nước rõ nét nhất và cũng đa dạng nhất so với tất cả các vùng miền khác trong cả nước. Do diện tích có thể trồng lúa trên cả hai vùng châu thổ rất rộng lớn và phì nhiêu nên ở nơi đây, truyền thống nông nghiệp lúa nước của người Việt đã được phát huy ở mức tối đa. Hàng năm, Nam Bộ sản xuất đến 50% lúa và góp phần chính yếu vào sản lượng gạo xuất khẩu trên 4 triệu tấn của cả nước. Nam Bộ cũng là nơi sản xuất đến 70% trái cây và cũng là vùng trồng cây công nghiệp lớn nhất nước ta hiện nay. Do sở hữu một vùng sông nước nhiều thủy sinh và được biển bao quanh hai phía, Nam Bộ cũng là một ngư trường giàu có nhất nước, là cơ sở để phát triển các nghề đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Bên cạnh đó, Nam Bộ cũng là nơi có nhiều sân chim nhất trong cả nước. Hầu như tỉnh nào ở miền Tây cũng có sân chim, trong đó nổi tiếng nhất là các sân chim ở Bến Tre, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Cà Mau. Các nghề thủ công truyền thống cũng khá phát

triển. Bình Dương là nơi có nhiều làng nghề truyền thống với các nghề nhai điều khắc gỗ, làm đồ gốm và tranh sơn mài. Ngoài ra, việc giao thương của vùng cũng mang đặc thù sông nước (Phan Thị Yến Tuyết, 2002). Từ xưa, các trung tâm giao thương lớn của Nam Bộ đều được hình thành ven bờ sông rạch, thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hoá. Đặc biệt, miền Tây Nam Bộ còn có các chợ nổi mà toàn bộ hoạt động đều diễn ra trên sông nước như: Chợ nổi Long Xuyên (An Giang), chợ nổi Cái Răng (Cần Thơ); chợ nổi Cái Bè (Tiền Giang), chợ nổi Phụng Hiệp (Hậu Giang),...

Về tín ngưỡng, là một vùng đất đa tộc người, Nam Bộ cũng là nơi gặp gỡ các tín ngưỡng tôn giáo mà các cộng đồng di cư mang theo, đồng thời là cái nôi sinh thành những tín ngưỡng tôn giáo mới. Vì vậy, đây chính là vùng đất phong phú nhất về tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam. Ngoài kế thừa và phát huy những tôn giáo đã du nhập vào Việt Nam trước đó như: Kitô giáo, Phật giáo, Hồi giáo,... vừa góp phần tạo nên một bản sắc Nam bộ mà đặc biệt là sự hình thành những tôn giáo bản địa từ nửa cuối TK XIX đến quá đầu TK XX: Bửu Sơn Kỳ Hương, Cao Đài, Hoà Hảo,... Những "đạo" này tuy ít tín đồ nhưng cũng góp phần giải quyết nhu cầu tâm linh của cư dân trên vùng đất mới. Ngoài ra, Thiên Chúa, đạo Tin Lành cũng có đông tín đồ. Bên cạnh đó, họ cũng duy trì tín ngưỡng thờ cúng Bà Chúa Xứ ở núi Sam, thờ cúng Thành hoàng ở các đình miếu, thờ cúng Cá Ông ở các làng ven biển (Nguyễn Hữu Hiếu, 2011; Nguyễn Đăng Duy, 1998).

Phong tục của người Nam Bộ có nguồn gốc từ đồng bằng Trung và Nam Trung Bộ, nhưng có tiếp biến thêm nhiều yếu tố từ phong tục của người Khơ me, người Hoa. Lễ hội của người Nam Bộ cũng rất đa dạng, bao gồm cả bốn loại hình lễ hội chủ yếu ở Việt Nam: lễ hội nông nghiệp - ngư nghiệp; lễ hội tưởng niệm danh nhân - anh hùng dân tộc; lễ hội tín ngưỡng - tôn giáo; và hỗn hợp. Tất cả đều mang sắc thái Nam Bộ mặc dù nhiều lễ hội bắt nguồn từ Trung Bộ. Ở các đình làng, thường xuyên có các lễ hội Kỳ Yên tiến hành vào đầu năm và cuối năm, để tạ ơn Thành hoàng Bồn cảnh, các thần linh và các bậc tiền hiền, hậu hiền có công khai khẩn, khai cơ, giúp dân an cư lạc nghiệp. Ở vùng ven biển, lễ hội Nghinh Ông là sự kiện quan trọng bậc nhất trong đời sống văn hoá và tâm linh của cư dân. Lễ hội tưởng niệm các danh nhân có công mở đất và lễ hội tưởng niệm các anh hùng dân tộc đều là những lễ hội long trọng do nhân dân tổ chức, với sự bảo trợ của chính quyền địa phương.

Nam Bộ có một kho tàng văn học, văn nghệ dân gian phong phú. Đó là các truyện dân gian phản ánh sự nghiệp khai phá đất đai, gắn liền với những danh thắng, di tích và nhân vật lịch sử. Đó là kho tàng ca dao và dân ca với các điệu hò, điệu lý, các bài hát huê tình, hát ru em, hát đồng dao, hát sắc bùa, hát thái, hát rỗi, hát vọng cổ, hát tài tử,... Ngoài ra, Nam Bộ còn có một số thể loại văn học dân gian đặc sắc khác là nói vè, nói tuồng, nói thơ. Trên cơ sở khai thác đặc điểm ngữ âm Nam Bộ và những thành tựu của ca nhạc, sân khấu dân gian và ca nhạc tài tử Nam Bộ, cùng với sự tiếp biến loại hình sân khấu kịch nói phương Tây, cải lương đã nhanh chóng trở thành một loại hình sân khấu dân tộc phổ biến ở Nam Bộ.

Văn hóa ẩm thực là một trong những phản ánh rõ nhất lối sống của con người Nam Bộ. Nam Bộ là vùng đất nhiều sông, kênh rạch, rừng rậm nên nguồn thức ăn vô cùng phong

phú và đa dạng. Nguồn thực phẩm đa dạng như vậy, với người dân Nam Bộ thường có nhiều cách chế biến mang đặc trưng của từng địa phương khác nhau. Họ thường kết hợp nhiều trái cây trong các món ăn, như: dưa, dứa, xoài,... hoặc Cháo lè lè, lươn xào sả ớt, cá lóc nướng trui, bông súng mắm kho, canh chua cá lóc,... Những món ăn này không chỉ đi vào tiềm thức của mỗi người dân mà còn đi vào tác phẩm văn học nghệ thuật. Ngoài ra, nói đến giá trị văn hóa ẩm thực Nam Bộ không thể không nhắc tới những món khô, như: Mực, cá, tôm và cả thịt rừng hay mắm. Người dân Nam Bộ không chỉ dùng những động, thực vật do mình nuôi trồng mà còn tận dụng những sản phẩm của thiên nhiên như: Bông điên điển, bông bí rợ, đọt cây vừng, rau đắng, chuột, cóc, dơi, lè lè,... cách lựa chọn này cho thấy sự thích ứng với thiên nhiên và nhạy bén, sáng tạo của con người.

Về trang phục, do sống trong môi trường sông nước, người Nam Bộ rất thích chiếc áo bà ba và chiếc khăn rằn. Chiếc áo bà ba gọn nhẹ rất tiện dụng khi chèo ghe, bơi xuồng, lội đồng, tát mương, tát đìa, cắm câu giăng lưới và có túi để có thể đựng một vài vật dụng cần thiết. Chiếc khăn rằn được dùng để che đầu, lau mồ hôi và có thể quấn ngang người để thay quần.

Nhà ở của người Nam Bộ có ba loại chính: Nhà đất cất dọc theo ven lợ, nhà sàn cất dọc theo kinh rạch, và nhà nổi trên sông nước. Nhà nổi trên sông nước là nơi cư trú đồng thời là phương tiện mưu sinh của những gia đình theo nghề nuôi cá bè, vận chuyển đường sông, buôn bán ở các chợ nổi, bán sỉ và bán lẻ trên sông.

Để đi lại, vận chuyển, các tộc người cư trú nơi đây đều phải lựa chọn những phương tiện phù hợp với các địa hình đặc trưng của Nam Bộ. Ở trên đất liền thì người Nam Bộ dùng xe bò, xe ngựa, xe đạp, xe thồ, xe tải,... Ở vùng sông nước thì họ dùng xuồng, ghe, tắc ráng, vỏ lãi, tàu, bè, bắc (phà), cộ,... Ở miền Tây Nam Bộ, xuồng ghe có vai trò đặc biệt quan trọng, vừa là phương tiện vận chuyển tiện dụng cho tất cả mọi người, vừa là phương tiện mưu sinh và phương tiện cư trú của một số lớn cư dân làm nghề dò ngang, dò dọc, buôn bán và nuôi cá trên sông. Mặc dù, cho đến nay ở Nam Bộ giao thông đường bộ đã được cải thiện nhiều, song giao thông đường thủy vẫn chiếm ưu thế, bởi nó phù hợp với đồng bằng sông nước nơi đây (Phan Thị Yến Tuyết, 1993).

Ngoài đặc trưng sông nước, giá trị văn hóa của Nam Bộ còn thể hiện trong sự giao thoa văn hoá. Không gian văn hoá Nam Bộ là phần mở rộng của không gian văn hoá Việt Nam trên một vùng đất mới mà ở đó chung tay khai phá với người Việt còn có các tộc người bản địa và các tộc người di dân ở khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Vì vậy, trên vùng đất này, ngay từ đầu trong văn hoá của cư dân Việt đã có sẵn yếu tố Chăm, Khơ me, Hoa,... và sau này lại chịu ảnh hưởng của văn hoá phương Tây. Hiện nay, ở vùng Nam Bộ, Đông Nam Bộ được đánh giá là khu vực có số lượng dân nhập cư cao nhất. Lý do là vì nơi đây hình thành nhiều cơ sở kinh tế, trung tâm văn hóa, khoa học và công nghệ hợp tác không chỉ trong nước và ngoài nước. Chính vì vậy, Nam Bộ hiện nay là một vùng đất mà giao lưu, tiếp biến văn hoá đã và đang diễn ra với tốc độ rất nhanh. Hệ quả là hầu như không có hiện tượng văn hoá nào ở nơi đây còn nguyên chất thuần Việt mà luôn có bóng dáng của những nền văn hoá khác. Cho nên, có thể nói, giao thoa văn hoá chính là một trong những bản sắc của văn hoá Nam Bộ. Nó làm cho văn hoá Nam Bộ vừa tương đồng, lại vừa khác biệt với cội nguồn của

nó là văn hoá Việt ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ.

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là văn hoá Nam Bộ chỉ là phép cộng đơn thuần các luồng văn hoá đã hội tụ ở đây. Trong quá trình giao thoa văn hoá, cư dân Việt đã không tiếp thu nguyên xi các nền văn hoá khác mà chỉ tiếp thu những yếu tố đáp ứng các nhu cầu vật chất và tinh thần để bổ sung vào hành trang văn hoá mang theo của mình. Sự tiếp biến văn hoá kết hợp với đặc trưng đồng bằng sông nước đã buộc tất cả các nền văn hoá sinh tụ ở Nam Bộ đều phải tự cấu trúc lại, lược bỏ những giá trị không còn phù hợp với môi trường mới, phát triển hoặc sáng tạo những giá trị mới giúp con người có thể tồn tại và phát triển trên một vùng đồng bằng sông nước, đan xen những tộc người khác biệt nhau về văn hoá. Vì vậy, tính uyển chuyển, linh động, phóng khoáng và bao dung lâu dần trở thành giá trị văn hóa của Nam Bộ.

2.2. Thực trạng khai thác các giá trị văn hóa trong phát triển du lịch ở Nam Bộ hiện nay

Khi nói văn hóa là nguồn nguyên liệu để hình thành nên hoạt động du lịch, tức là nói đến vật hút, đối tượng hưởng thụ của du khách. Theo quan niệm của ngành du lịch, người ta xếp các thành tố văn hóa vào tài nguyên du lịch văn hoá, cụ thể là: các di tích lịch sử - văn hóa, ẩm thực, lễ hội, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, văn học - nghệ thuật. Cùng với tài nguyên tự nhiên, tài nguyên văn hóa là một trong những điều kiện đặc trưng cho việc phát triển du lịch của một địa phương, vùng, quốc gia. Giá trị của những di sản văn hóa: Di tích lịch sử, công trình kiến trúc, các hình thức nghệ thuật, tập quán, lễ hội, ngành nghề truyền thống,... cùng với các thành tựu kinh tế, chính trị, xã hội, cơ sở văn hóa nghệ thuật, bảo tàng,... là đối tượng cho ngành du lịch khai thác và sử dụng. Những tài nguyên này không chỉ tạo ra môi trường và điều kiện cho du lịch phát sinh và phát triển, mà còn quyết định quy mô, thể loại, chất lượng và hiệu quả của hoạt động du lịch (Nguyễn Thị Kim Liên, 2017). Vì thế, phát triển du lịch ở Nam Bộ hiện nay không thể bỏ qua việc khai thác những giá trị văn hóa mà chúng tôi đã phân tích ở trên. Bởi, việc khai thác những giá trị văn hóa này, không chỉ đem đến sự thịnh vượng về mặt kinh tế cho vùng đất Nam Bộ mà còn là cách thức bảo vệ, gìn giữ những giá trị văn hóa của dân tộc.

Đánh giá thực trạng vấn đề này cho thấy, trong những năm qua, các tỉnh thành ở Nam Bộ đã thu được những thành tựu đáng kể về việc tiến hành khai thác những giá trị văn hóa đặc trưng của vùng trong phát triển du lịch. Đối với khai thác những giá trị văn hóa lịch sử: Nam Bộ là vùng địa linh nhân kiệt, về các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm nên đã để lại rất nhiều tài nguyên di tích lịch sử, văn hóa cách mạng, Trong đó nhiều di tích lịch sử được công nhận cấp quốc gia đặc biệt gồm: Khu di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (Tây Ninh), di tích Dinh Độc Lập (TP.Hồ Chí Minh), di tích lịch sử nhà tù Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), di tích lịch sử đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh (huyện Lộc Ninh, Bù Gia Mập - Bình Phước),... Tiếp đến là những trận Rạch Gầm – Xoài Mút, những trận đánh trên sông Hàm Luông, những sự kiện diễn ra ở Bảy Núi, di tích Gò Tháp hay trận ấp Bắc, Bến Tre đồng khởi,... Ngoài ra, còn có các quần thể di tích lịch sử, văn hóa và danh thắng núi Bà tại Tây Ninh được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia, di chỉ khảo cổ Ốc Eo ở

An Giang, Bưng Bạc, Bưng Thom,... tại Bà Rịa - Vũng Tàu,... Mỗi di tích có một lí lịch riêng với rất nhiều câu chuyện liên quan cùng các nhân chứng, kỉ vật. Chính vì vậy, trong việc khai thác du lịch các tỉnh thành ở Nam Bộ thời gian vừa qua đã chú ý xây dựng những tour du lịch hành hương trở về nguồn, thăm lại chiến trường xưa ở chiến khu D, địa đạo Củ Chi, nhà tù Phú Quốc - Kiên Giang, nhà tù Côn Đảo,... Ngành du lịch các tỉnh thành ở Nam Bộ còn thiết kế cho du khách tham quan tìm hiểu các di tích danh nhân như: Thủ Khoa Huân, Võ Trường Toản, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Chí Minh, Nguyễn Thị Định,...

Đối với khai thác những giá trị văn hóa sông nước: Văn hoá sông nước vừa là thế mạnh vừa là đặc sản của Nam Bộ. Số lượng sông, kênh, rạch chằng chịt mà vùng Nam Bộ có được là những tuyến du lịch hết sức hấp dẫn với du khách trong và ngoài nước. Ngoài sản phẩm du lịch chính là du ngoạn trên các loại tàu, thuyền lớn nhỏ, nhiều dạng, nhiều kiểu, nhiều tốc độ với nhiều loại hình khác nhau còn có những hoạt động du lịch khác liên quan đến thuyền bè và sông nước. Chẳng hạn như tham quan những vựa cá lồng, vùng nuôi thủy sản, nơi làm mắm, tổ chức cho khách đánh cá, câu cá và tự làm hay thưởng thức đủ các món ăn từ cá,... là những sản phẩm du lịch tuyệt vời cho du khách. Một chuyến du ngoạn trên thuyền từ tỉnh này sang tỉnh kia, có thể dừng chân ở những vị trí nhất định để lên bờ thăm thú, rồi lại xuống thuyền đi tiếp với những con người, sản phẩm khác nhau của mỗi vùng, cũng như cung cách làm ăn, lối sống của cư dân chính là những sản phẩm du lịch đặc sắc của Nam Bộ. Gần đây, các tour du lịch bắt đầu mở rộng các sản phẩm của mình như du lịch nhà dân: đưa khách đến ở tại các gia đình dân tộc ít người ở Nam Bộ để họ tận hưởng những sinh hoạt của các dân tộc, tham dự vào các phong tục, tập quán, nghi lễ của các gia đình.

Đối với khai thác những giá trị văn hóa các làng nghề: Toàn khu vực Nam Bộ đã hình thành các nhóm nghề có tiềm năng và đã được khai thác trong du lịch như: 1) Nhóm ngành nghề thủ công: nghề đan lát; nghề dệt chiếu, thảm ở Vĩnh Long, Tiền Giang, Bến Tre, Cần Thơ, Trà Vinh; nghề chằm nón, chằm lá ở Vĩnh Long; nghề làm gạch, làm gốm ở Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cần Thơ; nghề mộc, chạm trổ ở Tiền Giang, An Giang, Hậu Giang; nghề thủ công mỹ nghệ từ cây dừa ở Bến Tre; nghề thủ công mỹ nghệ từ cây mây, tre, trúc ở Cần Thơ; 2) Nhóm ngành nghề phục vụ ẩm thực: nghề làm bánh, làm cốm, làm kẹo ở Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Vĩnh Long; nghề làm khô, làm dưa, làm nem, rượu, sản xuất nước chấm (mắm, tương, chao,...) ở một số tỉnh; nghề chế biến khô thủy sản ở các tỉnh có thế mạnh về biển, kênh rạch ở hầu hết các tỉnh đồng bằng; 3) Nhóm ngành nghề nông nghiệp hoa kiểng: Bến Tre, Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp,... với các loại hình kiểng lá, kiểng hoa, kiểng hình, bonsai, cỏ thụ; Nhóm ngành có những nghề truyền thống nổi tiếng, có thương hiệu, hiệu quả kinh tế cao, mang lại thu nhập ổn định cho cơ sở và người lao động: nghề làm mắm ở Châu Đốc; nghề mộc ở Chợ Mới; nghề đóng tủ thờ ở Gò Công; nghề bòng buông ở Tiền Giang (Sản phẩm của làng nghề gồm nhiều loại như: nón, đệm, giỏ, manh, tưng bòng,... sử dụng nguyên liệu chủ yếu là cọng bòng); nghề làm bánh pía ở Sóc Trăng; nghề làm khô ở Cà Mau; nghề làm sản phẩm từ cây dừa ở Bến Tre và làng nghề hoa kiểng ở Sa Đéc, Chợ Lách,... Thông qua những tour du lịch đến các làng nghề truyền thống ở Nam Bộ, du khách trong và ngoài nước tham quan rất thích thú khi được tìm hiểu, trải nghiệm các

công đoạn chế tác sản phẩm, được thưởng thức những đặc sản quê hương Nam Bộ do chính tay du khách làm ra. Qua hình thức du lịch này không chỉ góp phần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch cho địa phương mà còn góp phần duy trì và phát huy nét văn hóa truyền thống của vùng đất Nam Bộ.

Về khai thác những giá trị văn hóa biển đảo: Với tinh thần Nghị quyết TW 4, trong chiến lược phát triển biển đảo, đến năm 2020, Việt Nam phấn đấu trở thành quốc gia biển với kinh tế trên biển và ven biển đóng góp khoảng 53 - 55% GDP cả nước, ngành du lịch ở Nam Bộ trong những năm qua rất chú trọng khai thác các giá trị văn hóa biển đảo. Các tỉnh thành có thể mạnh và khai thác một cách hiệu quả giá trị văn hóa biển đảo ở Nam Bộ là Bà Rịa – Vũng Tàu, huyện đảo Phú Quốc (Kiên Giang), đất mũi Cà Mau. Cuối năm 2014, Tổ chức kỷ lục quốc gia công bố 50 điểm đến hấp dẫn ở Việt Nam thì tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có tới 9 địa danh, trong đó có 03 địa danh liên quan đến biển đảo bao gồm: biển Vũng Tàu, Côn Đảo, biển Long Hải,... (Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, 2018). Hay như huyện đảo Phú Quốc (Kiên Giang), nơi được mệnh danh là “Đảo Ngọc”, nơi được đánh giá có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế du lịch bậc nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Theo quy hoạch phát triển do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Phú Quốc trở thành thành phố biển và đặc khu kinh tế - hành chính Phú Quốc trực thuộc Trung ương từ nay đến năm 2030. Theo đó, Phú Quốc sẽ là trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí cao cấp quốc gia và quốc tế. Hiện nay, Phú Quốc có hoạt động du lịch đường biển, câu cá, lặn ngắm san hô, tham quan cơ sở nuôi trai lấy ngọc trên biển, khám phá những hòn đảo nhỏ phía Nam đảo với hơn 75 phương tiện thủy phục vụ du khách. Trong 10 tháng đầu năm 2016, huyện đảo Phú Quốc đã đón hơn 2,24 triệu lượt khách (tăng 62,4% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó, khách quốc tế đến Phú Quốc đạt 207 nghìn lượt, tăng 42% so với cùng kỳ năm 2015, đạt gần 70% so với kế hoạch của năm 2016. Doanh thu du lịch đạt trên 2.534 tỉ đồng, tăng 49,5% so với cùng kỳ, đạt 94,2% so với kế hoạch năm 2016. Năm 2017, huyện đảo Phú Quốc đón gần 361.500 lượt du khách quốc tế đến tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng, tăng 72% so với năm 2016. Tính từ năm 2013 đến 2017, Kiên Giang đã đón khoảng 20,4 triệu lượt khách, trong đó có 1,1 triệu lượt khách quốc tế, tăng trưởng bình quân hàng năm là 12,2% (Tổng cục Du lịch 2017).

Về khai thác những giá trị văn hóa tín ngưỡng và lễ hội truyền thống: Với hệ thống các tín ngưỡng, tôn giáo kèm theo những sinh hoạt lễ hội không kém phần phong phú như chúng tôi đã phân tích, việc khai thác những giá trị văn hóa này phục vụ cho phát triển du lịch ở Nam Bộ hoàn toàn là thể mạnh. Nhiều tour du lịch tham quan lễ hội truyền thống và kết hợp du lịch tâm linh mở ra ở Nam Bộ. Chẳng hạn, tour du lịch tại Khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười gắn với Thiền Viện Trúc Lâm Chánh Giác; tour du lịch tham gia những lễ hội đặc sắc ở miền Tây và Đông Nam Bộ như: Lễ hội Bà Chúa Xứ ở Châu Đốc, lễ hội đua bò Bảy Núi, lễ hội Bà Ngũ hành, lễ hội Nghinh Cô, lễ hội Thiên Hậu Thánh Mẫu, lễ hội Bà Chúa xứ, Lễ hội Nghinh Ông (tức tục thờ cá ông - cá voi, hay Nam hải Đại tướng quân) gắn liền với lễ hội cầu ngư, phổ biến ở hầu hết các làng nghề đánh bắt hải sản miền Đông Nam Bộ,...

Tóm lại, trong những năm qua ngành du lịch Nam Bộ đã thu được một số thành tựu nhất định trong việc khai thác các giá trị văn hóa phục vụ mục tiêu kinh tế. Với những địa phương

tổ chức quản lý tốt và khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa trong hoạt động du lịch thì cơ sở vật chất được đầu tư khang trang, nhận thức của người dân được nâng cao, thu nhập được cải thiện, đời sống của người dân khá hơn, tạo ra bầu không khí phấn khởi, lạc quan cho người dân về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong đời sống xã hội.

3. KẾT LUẬN

Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy những kết quả đạt được trong việc khai thác các giá trị văn hóa phục vụ phát triển du lịch ở Nam Bộ vẫn chưa tương xứng với những giá trị văn hóa mà vùng đất này đang sở hữu. Thậm chí, trong thực tiễn khai thác còn để lại nhiều hệ lụy đe dọa đến sự phát triển bền vững của vùng. Theo nhận định của các chuyên gia trong ngành du lịch, du lịch Nam Bộ trong suốt thời gian từ năm 2006 đến nay vẫn đang loay hoay với việc định hình đầu là sản phẩm du lịch đặc thù khi mà địa phương nào cũng có những sản phẩm gần giống nhau. Hầu hết các địa phương trong vùng đều dựa vào tài nguyên du lịch sẵn có để phát triển du lịch. Do vậy, các sản phẩm du lịch chủ yếu tập trung vào việc: Chở khách tham quan bằng tàu, thuyền; đưa khách tham quan miệt vườn; biểu diễn đờn ca tài tử; tham quan tìm hiểu tại các Vườn Quốc gia. Du khách chỉ cần đến một tỉnh là biết sản phẩm du lịch của cả vùng (Hữu Nghị, 2015). Chính tình trạng trùng lặp về sản phẩm du lịch sông nước, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa tâm linh giữa các địa phương trong vùng diễn ra phổ biến đã làm giảm tính hấp dẫn của du lịch Nam Bộ.

Ngoài ra, việc khai thác giá trị văn hóa trong phát triển du lịch ở Nam Bộ hiện nay mới chỉ thể hiện ở tầm nhìn, còn thiếu nhiều hành động cụ thể để hiện thực hóa. Thực tế cho thấy, với nguồn vốn hạn chế trong xây dựng các cơ sở vật chất du lịch, một điểm du lịch ở Nam Bộ thường chỉ có khả năng giữ sự thích thú cho du khách chưa đến một ngày. Điều này có nghĩa, du lịch ở Nam Bộ chủ yếu dựa vào thiên nhiên, khai thác những gì sẵn có mà thiếu sự đầu tư dài hạn, thiếu sự liên kết giữa các địa phương trong vùng với nhau dẫn tới tình trạng kém hấp dẫn và không có điểm nhấn. Đúng như nhà nghiên cứu Phạm Trung Lương trong một bài phỏng vấn có nhận xét: "Những sản phẩm du lịch đặc thù của vùng Nam Bộ đã được khai thác, nhưng hiện mới ở góc độ địa phương, chứ không phải góc nhìn của toàn vùng. Vấn đề liên kết giữa các vùng cũng đã được đặt ra từ lâu, nhưng không có “nhạc trưởng”, dẫn đến tình trạng khai thác sản phẩm du lịch chồng chéo nhau. Bây giờ cần phải điều chỉnh lại, để từng địa phương phát huy được thế mạnh của mình và liên kết các thế mạnh với nhau để phát triển sản phẩm du lịch đặc thù vùng, tạo nên sức mạnh của cả vùng" (Hữu Nghị, 2015). Bên cạnh đó, các điểm du lịch văn hóa tâm linh, di tích lịch sử ở Nam Bộ vẫn còn tình trạng quản lý và khai thác một cách lộn xộn không tốt. Hiện tượng “cò mồi”, “cướp giật”, “chặt chém”, “lừa đảo”, “bói toán”, “xả rác”, “tàn phá di tích”,... vẫn còn diễn ra khá phổ biến, dẫn đến khiến nhiều du khách bất bình và không muốn quay lại tham quan. Dù trên lý thuyết, khai thác giá trị văn hóa ở Nam Bộ phục vụ cho du lịch là nhằm mục đích làm cho những giá trị văn hóa ấy được giàu có hơn, phát triển bền vững hơn, hướng người dân đến sự trân trọng những giá trị văn hóa mà mình đang được sở hữu, nhưng thực tế đi vào khai thác lại cho thấy, những giá trị văn hóa ấy lại đang bị mai một và bị hư hại. Tâm lý thực dụng, chỉ biết khai thác một cách triệt để phục vụ cho lợi ích kinh tế trước mắt không nghĩ

đến bảo tồn bền vững cho những thế hệ tương lai đang là thách thức cho những giá trị văn hóa của Nam Bộ. Để khắc phục tình trạng này, nhằm khai thác một cách có hiệu quả và đánh giá đúng tầm quan trọng của các giá trị văn hóa Nam Bộ trong phát triển du lịch, trong phạm vi bài viết này chúng tôi có một số đề xuất như sau:

Một là, tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các địa phương về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc khai thác những giá trị văn hóa phát triển du lịch Nam Bộ, đồng thời giáo dục cho người dân ý thức bảo vệ và gìn giữ, trân trọng những giá trị văn hóa đang được sở hữu.

Hai là, tổ chức triển khai điều tra, khảo sát,... đánh giá tiềm năng du lịch của các tỉnh, các khu vực trong vùng Nam Bộ về văn hóa, lịch sử, con người, về các lễ hội truyền thống, danh thắng, các điểm đến, tour, tuyến, sản phẩm du lịch đặc thù và nổi trội... Trên cơ sở đó, xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Nam Bộ và từng tỉnh, thành phố trong một không gian thống nhất và đồng bộ để tạo được thế mạnh của vùng. Đặc biệt, trong các khu vực ở Nam Bộ cần chú ý đến khu vực Đông Nam Bộ là nơi có những lợi thế về địa chính trị. Vùng đất này liền kề với Đồng bằng sông Cửu Long, giao lưu thuận tiện nhờ mạng lưới kênh rạch và hệ thống đường bộ, lại có cửa ngõ phía Tây liên hệ nối liền với Campuchia và các nước Thái Lan, Malaysia thông qua mạng đường bộ xuyên Á; cửa ngõ phía Đông nối liền với các nước trên thế giới thông qua hệ thống cảng biển Sài Gòn, Bà Rịa – Vũng Tàu, Thị Vải. Hai cửa ngõ Đông, Tây này của Đông Nam Bộ đã tạo lập thành ra hành lang kinh tế Đông – Tây, với nhiều hoạt động kinh tế sôi nổi, có sức hút mạnh mẽ đối với các nhà đầu tư trong và nước ngoài. Vì thế, trong quá trình phát triển du lịch, Nam Bộ nên tính đến lợi thế vô cùng lớn này để giá trị văn hóa của vùng được lan tỏa đi nhiều nơi.

Ba là, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực du lịch cho vùng Nam Bộ cả về cán bộ quản lý và lao động trực tiếp bằng nhiều hình thức, chương trình phù hợp, đáp ứng yêu cầu về các nghiệp vụ trong ngành du lịch, không ngừng nâng cao tay nghề và tính chuyên nghiệp trong hoạt động du lịch.

Bốn là, xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù, có sức thu hút cao, đa dạng, phong phú ở từng địa phương và liên kết cả vùng, không trùng lặp. Không ngừng nâng cao, cải tiến chất lượng sản phẩm du lịch. Nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch ở các điểm đến, tour, tuyến, cơ sở lưu trú, nhà hàng, nơi mua sắm,... tạo ấn tượng tốt cho du khách. Xây dựng các tour, tuyến du lịch hấp dẫn, khoa học trong từng địa phương và liên tỉnh vùng Nam Bộ với lộ trình hợp lý, hài hoà, hấp dẫn, chú trọng các tour, tuyến đi tham quan biển đảo.

Năm là, đầu tư, nâng cấp các cơ sở hạ tầng, cơ sở phục vụ du lịch, các khu du lịch miệt vườn, các đảo, làng nghề truyền thống... gắn liền với bản sắc văn hoá và thế mạnh của từng tỉnh, đảm bảo chất lượng phục vụ tốt, môi trường du lịch an toàn, thân thiện và bền vững. Xây dựng và phát triển các công ty du lịch ngang tầm với quy mô và tiềm năng du lịch vùng Nam Bộ, có thương hiệu mạnh và uy tín lớn, có mạng lưới phục vụ du lịch rộng khắp vùng và hiệu quả cao.

Sáu là, chủ động và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch cho toàn

vùng và từng địa phương bằng nhiều hình thức và phương tiện thông tin: TV, báo, đài, website, sách, bản đồ, CD, Lễ hội, hội thảo, hội chợ, triển lãm... cả trong nước và nước ngoài nhằm thu hút du khách.

Bây là, tăng cường liên kết, hợp tác giữa các địa phương trong vùng, giữa các công ty du lịch, các trung tâm du lịch cả nước, các nước Đông Nam Á với Nam Bộ nhằm khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh du lịch của vùng. Nhà nước cần có cơ chế đặc thù, chính sách hỗ trợ cần thiết nhằm khuyến khích phát triển du lịch Nam Bộ. Tuy nhiên, những giải pháp nêu trên chỉ đúng và thực hiện nghiêm túc ở các ngành, các cấp, các địa phương khi chúng ta có quan niệm đúng về phát triển kinh tế du lịch và những giá trị văn hóa đặc trưng vùng Nam Bộ. Điều này cần sự kết hợp của nhiều ngành khác nhau mà văn hóa và du lịch là hai ngành phải có trách nhiệm chính, là đầu mối liên kết tất cả các ngành khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Đức Cường (2013), *Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Đăng Duy (1998), *Văn hóa tâm linh Nam Bộ*, Nxb. Hà Nội.
3. Nguyễn Hữu Hiếu (2011), *Tìm hiểu văn hóa tâm linh Nam Bộ*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Kim Liên (2017), “Khai thác giá trị văn hóa trong phát triển du lịch”, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 396.
5. Sơn Nam (2009), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Tuấn Triết (2005), “Biến chuyển dân cư và thành phần dân tộc ở Nam Bộ cuối thế kỷ XX – đầu thế kỷ XXI” trong: *Nam Bộ dân tộc và tôn giáo*, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

EXPLOIT CULTURAL VALUES IN THE CONTEXT OF TOURISM DEVELOPMENT IN SOUTHERN VIETNAM

Abstract: *Culture in Southern Vietnam is exhibited by such things as religious diversity, unique traditional customs, festivals, literature, arts, cuisine, fashion, transporatation, and more. These kinds of valued cultures have not only created a positive environment and condition for tourism to develop, but they also decided the size, types, quality, and effectiveness of touristic activities. How has the department of tourism of the South exploited these valued cultures in recent years? During this exploitation of culture, has it given rise to increasing problems? What are the solutions for the effective and sustainable exploitation of cultural values in Southern tourism in Vietnam? This article will propose some answers for these above questions.*

Keywords: *Southern Vietnam, cultural values, tourism development, exploring cultural values.*